

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2020/DS-ST

Ngày 15-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Hoàng Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Cẩm Lựa.
2. Bà Trần Thị Hoàng Dung.

**- Thư ký phiên toà:** Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên toà số: 78/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Địa chỉ: số 109, đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Quốc Th; địa chỉ: số 32, Nguyễn Công Trứ, Phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Văn bản uỷ quyền lập ngày 16/7/2020). (Có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn R. (Vắng mặt)
2. Bà Trà Thị Út Ph. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã V, thành phố VT, tỉnh HG.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do ông Trần Quốc Th là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 15/9/2014, ông Nguyễn Văn R và bà Trà Thị Út Ph có vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 0014006CH010TD1-LienVietPostBank.HG, số tiền vay là 100.000.000 đồng, mục đích vay vốn là để tiêu dùng và phục vụ kinh tế gia đình, thời hạn vay 60 tháng, trả gốc lãi theo phân kỳ hàng tháng. Lãi suất vay: từ ngày 17/9/2014 đến ngày 17/9/2015 cố định 9,5%/năm, sau ngày 17/9/2015 áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn R và bà Trà Thị Út Ph đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 92.960.000 đồng, lãi đóng đầy đủ đến ngày 12/5/2019. Kể từ ngày 13/5/2019 đến nay ông Nguyễn Văn R và bà Trà Thị Út Ph không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, số nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 12/6/2019. Tính đến ngày 14/9/2020, ông Nguyễn Văn R và bà Trà Thị Út Ph còn nợ Ngân hàng số tiền là 8.924.840 đồng, trong đó: nợ gốc là 7.040.000 đồng, lãi trong hạn là 320.828 đồng, lãi quá hạn là 1.518.354 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 45.658 đồng.

Ngày 16/5/2018, ông Nguyễn Văn R và bà Trà Thị Út Ph tiếp tục vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD800201806772 (Hợp đồng thấu chi), số hạn mức thấu chi là 41.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình, thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay: lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Trường hợp bên vay không trả lãi thấu chi vào kỳ hạn trả lãi thì toàn bộ số lãi phải trả sẽ được tính tiếp vào số dư khả dụng của hạn mức thấu chi. Khi hạn mức thấu chi bị vượt mà bên vay tiếp tục không trả lãi thấu chi thì hạn mức thấu chi sẽ chuyển thành nợ quá hạn sau 10 ngày kể từ ngày hạn mức thấu chi bị vượt (theo khoản 3.7 Điều 3 của Hợp đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn R và bà Trà Thị Út Ph đã sử dụng hạn mức thấu chi ngày 16/5/2018 là 36.200.000 đồng, ngày 20/5/2018 tăng lên là 39.200.000 đồng, đến ngày 22/5/2018 có dư nợ gốc cuối cùng là 40.200.000 đồng. Sau khi vay, ông R, bà Ph không thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi nào nên toàn bộ số lãi phát sinh phải trả được tính tiếp vào số dư khả dụng của hạn mức thấu chi, tính đến ngày 08/6/2019 dư nợ gốc là 46.100.000 đồng. Số nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 08/6/2019 đến nay. Tính đến ngày 14/9/2020, ông Nguyễn Văn R và bà Trà Thị Út Ph còn nợ số tiền là 56.349.567 đồng, trong đó: nợ gốc là 46.100.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.249.567 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph phải thanh toán theo

các hợp đồng tín dụng nêu trên là 65.274.407 đồng.

*Quá trình giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông R, bà Ph không đến dự, nên chưa thể hiện ý kiến về việc tranh chấp.

*Tại phiên tòa,* người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Quốc Th phát biểu yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi còn nợ tính đến ngày 14/9/2020 là 65.274.407 đồng và phần tiền lãi phát sinh kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2020) cho đến khi ông R, bà Ph thanh toán xong nợ. Bị đơn ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ là hồ sơ vay vốn, các Hợp đồng tín dụng (bản sao), Bản kê tính lãi. Bị đơn không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph có nơi cư trú tại ấp S, xã V, thành phố VT, tỉnh HG. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[3]. *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[4.1] Đối với Hợp đồng tín dụng số 0014006CH010TD1-LienVietPostBank. HG ngày 15/9/2014, ông R, bà Ph có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền là 100.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay đầy đủ cho ông R, bà Ph. Xét về mục đích vay, thỏa thuận lãi suất cho vay các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Nhưng sau khi vay tiền ông R, bà Ph không thực hiện đúng việc trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, số nợ trên đã bị Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 12/6/2019. Tính đến ngày 14/9/2020 thì ông R, bà Ph còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số

tiền 8.924.840 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 7.040.000 đồng; lãi trong hạn là 320.828 đồng, lãi quá hạn là 1.518.354 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 45.658 đồng. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu trả nợ. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho các bên gặp nhau hòa giải để trình bày và thỏa thuận với nhau về số tiền nợ vốn và lãi nhưng bị đơn ông R, bà Ph đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Ông R, bà Ph cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh là không nợ hoặc đã trả xong vốn, đóng lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Do đó, Tòa căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện để yêu cầu ông R, bà Ph trả số nợ vay 8.924.840 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD800201806772 (Hợp đồng thấu chi), ngày 16/5/2018, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn R và bà Trà Thị Út Ph trả số tiền còn nợ tính đến ngày 14/9/2020 là 56.349.567 đồng, trong đó: nợ gốc là 46.100.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.249.567 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: dư nợ gốc thực tế của ông R, bà Ph tính đến ngày 22/5/2018 là 40.200.000 đồng. Do ông R, bà Ph không thanh toán gốc lãi khi đến hạn nên Ngân hàng căn cứ vào thỏa thuận tại khoản 3.7 Điều 3 của Hợp đồng trích số tiền vay của ông R, bà Ph (số dư khả dụng của hạn mức thấu chi) để thu nợ lãi tiền vay, đồng thời số tiền lãi trở thành dư nợ gốc để tiếp tục tính lãi nên tính đến ngày 08/6/2019 dư nợ gốc là 46.100.000 đồng. Sau đó tiếp tục tính lãi quá hạn trên số dư nợ gốc là 46.100.000 đồng. Xét cách tính gốc lãi này của Ngân hàng là trái với quy định tại khoản 5 Điều 8, khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Khoản 5 Điều 8 Thông tư quy định “*Tổ chức tín dụng không được cho vay để trả nợ khoản vay tại chính tổ chức tín dụng cho vay...*” và khoản 4 Điều 13 Thông tư quy định trường hợp khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay gồm tiền lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi, lãi quá hạn, không có quy định tổ chức tín dụng được phép lãi nhập vốn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng áp dụng khoản 3.7 Điều 3 của Hợp đồng để tính gốc lãi đối với ông R, bà Ph. Tòa điều chỉnh lại như sau: dư nợ gốc tính đến ngày 22/5/2018 là 40.200.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày 17/5/2018 đến ngày 22/5/2018 là 188.153 đồng; lãi chậm trả lãi từ ngày 01/6/2018 đến ngày 14/9/2020 là 43.693 đồng; lãi quá hạn từ ngày 01/6/2019 đến ngày 14/9/2020 là 9.072.638 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 49.504.484 đồng. Như nhận định tại phần [4.1], ông R, bà Ph không chứng minh được việc đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, buộc ông Nguyễn Văn R,

bà Trà Thị Út Ph phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền còn nợ tổng cộng là 58.429.324 đồng.

[5]. Về án phí: Buộc ông R, bà Ph chịu án phí theo mức có giá ngạch trên toàn bộ giá trị số tiền bị buộc trả, buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B chịu phần án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 91, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 288 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 5 Điều 8, khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền vay còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 14/9/2020 là 58.429.324 (Năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn ba trăm hai mươi bốn) đồng. Trong đó: nợ gốc là 47.240.000 đồng, lãi trong hạn là 508.981 đồng, lãi chậm trả lãi là 89.351 đồng, lãi quá hạn là 10.590.992 đồng.

Ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 15/9/2020 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Không áp dụng khoản 3.7 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số HDTD800201806772 (Hợp đồng thấu chi), ngày 16 tháng 5 năm 2018 để tính lãi). Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn R, bà Trà Thị Út Ph liên đới chịu 2.921.000 (Hai triệu chín trăm hai mươi một nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B chịu 342.254 (Ba trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm năm mươi bốn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.517.000 đồng theo biên lai thu số 0003177 ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư ra là 1.174.746 (Một triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi sáu) đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Chi cục THADS Tp Vị Thanh;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Em**